TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2023/DS-ST
Ngày: 06-6-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thực;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh;
- Ông Huỳnh Văn Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tiểu Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 06 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1971; cư trú tại: Ấp A, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1992; Địa chỉ: Ấp H, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Theo văn bản ủy quyền ngày 19-01-2023. (Có mặt)

- *Bị đơn:*

1. Chị Kiên Ngọc T, sinh năm 1978; (Vắng mặt)

2. Anh Phạm Phước Q, sinh năm 1976; (Xin vắng mặt)

Cùng cư trú tại: Ấp A, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:* Ngày 05-11-2021 (Ngày 01-10-2021 âm lịch), chị Kiên Ngọc T và anh Phạm Phước Q có mượn số tiền 320.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị P để làm vốn mua bán. Khi đó, chị T, anh Q có làm giấy mượn tiền và hứa mỗi tháng sẽ trả 20.000.000 đồng, trả trong

vòng 16 tháng tính từ ngày làm giấy mượn tiền. Ngoài ra, vào khoảng tháng 7-2022, vợ chồng chị T, anh Q còn mượn của chị P số tiền 18.240.000 đồng để đóng tiền tạm ứng án phí và chi phí tố tụng của các vụ án mà chị T là nguyên đơn khởi kiện những người khác để đòi tiền; hai bên thỏa thuận khi nào chị P cần thì thông báo cho anh Q, chị T trước một thời gian để trả nên hai bên không làm biên nhận. Sau khi nhận tiền của chị P, đến nay chị T và anh Q chưa trả. Do đó, chị P khởi kiện yêu cầu chị T và anh Q phải trả số tiền 338.240.000 đồng.

*. *Bị đơn, chị Kiên Ngọc T trình bày:* Số tiền 320.000.000 đồng chị thừa nhận có nợ chị Nguyễn Thị P, nhưng số tiền này xuất phát từ việc cấn trừ nợ hụi do trước đây chị có làm đầu thảo hụi, chị P có tham gia chơi hụi, các hụi viên khác nợ tiền hụi, không đóng tiền cho chị nên chị không có tiền giao hụi cho chị P. Chính vì vậy, chị P mới viết giấy mượn tiền ghi ngày 01-10-2021 và chị có ký tên. Khi tổ chức chơi hụi, tiền đầu thảo thu được chị chỉ sử dụng cá nhân, không trang trải vào cuộc sống gia đình vì chồng chị là anh Q có nghề nghiệp. Số tiền đầu thảo thu được, chị cũng dùng để đóng hụi thay cho những hụi viên không đóng hụi đúng hạn. Đối với số tiền 18.240.000 đồng, chị chỉ mượn 8.240.000 đồng để đóng tiền tạm ứng án phí, còn số tiền 10.000.000 đồng là do chị P tự ý giành để kiện và thuê luật sư nên chị không đồng ý trả. Do đó, nay chị chỉ đồng ý trả cho chị P 328.240.000 đồng, không đồng ý trả 10.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong số tiền nợ 328.240.000 đồng này, chị đã trả cho chị P được 03 lần, trong đó chị trả hai lần, mỗi lần khoảng hơn 50.000.000 đồng chia cho 03 người gồm chị P, chị C, chị S vì ba người này cùng chơi hụi của chị, con chị là cháu Phạm Kiên Q1 B, sinh năm 2001 trả một lần cũng khoảng hơn 50.000.000 đồng, việc trả tiền chị P có ghi vào sổ của chị P, chị sẽ yêu cầu chị P nộp sổ cho Tòa án.

*. *Bị đơn, anh Phạm Phước Q trình bày:* Việc vợ anh là chị T tổ chức chơi hụi, thiếu nợ ai anh hoàn toàn không biết. Chị T tổ chức chơi hụi chẳng những không phụ giúp gì cho gia đình mà còn gây nợ nần, đến khi hết dịch Covid-19 vào khoảng tháng 10-2021 thì anh mới biết vợ anh nợ nần của nhiều người, trong đó có chị P. Nay qua yêu cầu khởi kiện của chị P, anh không đồng ý cùng vợ anh là chị T trả nợ vì không có liên quan đến anh.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn L là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Thị P rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 10.000.000 đồng, chỉ yêu cầu chị Kiên Ngọc T và anh Phạm Phước Q phải trả số tiền nợ cho chị P là 328.240.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Thị P khởi kiện yêu cầu chị Kiên Ngọc T và anh Phạm Phước Q phải trả số tiền vay theo "Giấy mượn tiền" nên căn cứ vào Điều 463 của Bộ luật

Dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"*. Bị đơn, anh Q, chị T cư trú tại ấp A, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thẩm quyền giải quyết là của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn, anh Phạm Phước Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; chị Kiên Ngọc T không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị T, anh Q.

[3] Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn L là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 10.000.000 đồng. Trước đây yêu cầu chị Kiên Ngọc T, anh Phạm Phước Q phải trả 338.240.000 đồng nay chỉ yêu cầu trả 328.240.000 đồng. Xét việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận, đình chỉ xét xử.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 328.240.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Nguyên đơn, chị Nguyễn Thị P khởi kiện yêu cầu anh Phạm Phước Q và chị Kiên Ngọc T phải trả số tiền còn nợ là 328.240.000 đồng. Phía chị T thừa nhận có nợ chị P 328.240.000 đồng nên đây là tình tiết không phải chứng minh. Chị T cho rằng đây là tiền nợ hụi nhưng không được phía chị P thừa nhận, chị T không có chứng cứ gì để chứng minh. Chị T cho rằng sau khi nhận tiền, chị đã trả cho chị P được 03 lần, trong đó chị trả 02 lần, con chị trả 01 lần với tổng số tiền khoảng 150.000.000 đồng nhưng cũng không được chị P thừa nhận, chị T đã được yêu cầu giao nộp tài liệu chứng cứ để chứng minh có việc trả nợ nhưng đến nay chị T chẳng những không nộp được mà còn vắng mặt tại phiên tòa. Chị T không yêu cầu, cũng không cung cấp thông tin của chị C, chị S và con chị là cháu B để Tòa án xác minh làm rõ việc trả nợ cho chị P là tự mình từ bỏ nghĩa vụ chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy lời khai của chị T cho rằng đã trả cho chị P được khoảng 150.000.000 đồng là không có căn cứ nên chị P yêu cầu chị T phải trả số tiền nợ 328.240.000 đồng là có cơ sở.

[4.2] Đối với yêu cầu anh Phạm Phước Q có trách nhiệm cùng trả nợ với chị Kiên Ngọc T, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị T và anh Q là vợ chồng cùng chung sống với nhau, đang trong thời kỳ hôn nhân tại thời điểm nợ tiền chị P. Cả hai đều không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì khác ngoài lời trình bày của chính mình để chứng minh chị T không sử dụng số tiền nợ vào mục đích phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình trong khi số tiền nợ chị P lớn. Vì vậy, xét lời khai của chị T, anh Q là không có cơ sở, nhằm để trốn tránh nghĩa vụ đối với chị P. Do đó, Hội

đồng xét xử xét thấy việc chị P yêu cầu cả anh Q cùng trả nợ là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên chị P không phải chịu án phí, được nhận lại tiền tạm ứng án phí. Chị Kiên Ngọc T, anh Phạm Phước Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 244, Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị P về việc yêu cầu anh Phạm Phước Q, chị Kiên Ngọc T phải trả số tiền 10.000.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị P. Buộc chị Kiên Ngọc T và anh Phạm Phước Q có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị P số tiền 328.240.000 (Ba trăm hai mươi tám triệu, hai trăm bốn mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

Chị Kiên Ngọc T, anh Phạm Phước Q phải chịu 16.412.000 (Mười sáu triệu bốn trăm mười hai nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị P được nhận lại 8.456.000 (Tám triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn) đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017171 ngày 09-02-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của đương sự vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Anh Thực